

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Phương A, sinh năm 1991 (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Na C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trần Phương A trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên bà Trần Phương A và ông Bùi Na C kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, hay đi nhậu và đánh vợ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt

được hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà Trần Phương A xin được ly hôn với ông Bùi Na C.

- Về con chung: Có 02 người con tên Bùi Bích Nh, sinh ngày 14/4/2011 (nữ), Bùi Yến Nh1, sinh ngày 20/02/2015 (nữ), hiện các con đang sống chung với bà Phương A. Khi ly hôn bà Phương A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 7 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn ông Bùi Na C trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Na C xác định bà Phương A trình bày trên là đúng, trước khi kết hôn thì giữa ông Na C và bà Phương A có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà Phương A trình bày, ông Na C thừa nhận mình đã sai với vợ và hứa sẽ khắc phục, sửa sai xin bà Phương A cho cơ hội nên ông Na C không đồng ý ly hôn với bà Phương A vì muốn các con có cha, có mẹ chăm sóc đầy đủ hơn.

- Về con chung: 02 người con tên Bùi Bích Nh, sinh ngày 14/4/2011 (nữ), Bùi Yến Nh1, sinh ngày 20/02/2015 (nữ), hiện các con đang sống chung với bà Phương A. Trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì các con ông Na C đồng ý giao cho bà Phương A chịu trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con là Bùi Bích Nh, sinh ngày 14/4/2011 (nữ) và Bùi Yến Nh1, sinh ngày 20/02/2015 (nữ), việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Phương A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Bùi Na C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Na C là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Phương A và ông Bùi Na C có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139 ngày 10 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Phương A và ông Na C được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà Phương A xin ly hôn với ông Na C là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, hay đi nhậu với bạn bè và về vợ chồng cự cãi rồi đánh vợ. Ông Na C đã được Tòa án thông báo hòa giải lần thứ hai để hòa giải động viên hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà Phương A với ông Na C, nhưng ông Na C vắng mặt, từ đó cho thấy ông Na C không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà Phương A với ông Na C. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phương A và ông Na C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phương A. Bà Phương A được ly hôn với ông Na C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Bùi Bích Nh, sinh ngày 14/4/2011 (nữ) và Bùi Yến Nh1, sinh ngày 20/02/2015 (nữ), hiện các con đang sống chung với bà Phương A. Khi ly hôn bà Phương A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con. Ông Na C có ý kiến, trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn thì các con ông Na C đồng ý giao cho bà Phương A chịu trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Bùi Bích Nh thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, đối với cháu Bùi Yến Nh1 thì từ khi bà Phương A và ông Na C sống ly thân cho đến nay thì các cháu vẫn sống chung với bà Phương A, cuộc sống của các cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phương A, giao con tên Bùi Bích Nh, sinh ngày 14/4/2011 (nữ) và Bùi Yến Nh1, sinh ngày 20/02/2015 (nữ) cho bà Phương A được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Na C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà Phương A phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Phương A. Bà Trần Phương A được ly hôn với ông Bùi Na C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Phương A nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con tên Bùi Bích Nh, sinh ngày 14/4/2011 (nữ) và Bùi Yến Nh1, sinh ngày 20/02/2015 (nữ).

Ông Na C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà Phương A phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà Phương A có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004006 ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An, H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo